TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94**/2026/DS-ST
Ngày 09/4/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Ông Ngô Bá Đức

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Đinh Thị Huyền Đăng – Kiểm sát viên.

Trong 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 284/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng L, sinh năm 1980. Địa chỉ: 132A, ấp Hòa Hưng Thanh, xã Giao Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp 5, xã M, tỉnh V (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp 7, xã M, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/11/2023 và Huỳnh Thị Hồng L có lập văn bản thỏa thuận với bà Nguyễn Ngọc H với nội dung, bà L đồng ý giao cho bà H hỗ trợ tra tài sản, làm đơn tố cáo... đến cơ quan Công an quận Bình Tân để thu hồi số nợ 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) mà vợ chồng bà Hồ Ngọc T, sinh năm: 1988 và Nguyễn

Cao T1, địa chỉ: 585/21/4 Nguyễn Thị Thập, tổ 1, khu phố 2, phường Tân P, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh nợ bà L1 chưa trả. Chi phí thù lao (tiền công) bà L chi trả cho bà H 25%/tổng số tiền nhận thực tế do bà Tú, ông Tùng trả cho bà L. Thời hạn thực hiện 06 tháng (kể từ ngày 04/11/2023 đến ngày 04/05/2024)... Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận những điều kiện phát sinh nếu bà H nhận tiền mà trong thời gian 02 tháng nhưng không thực hiện công việc thì bà L có quyền chấm dứt thỏa thuận buộc bà H hoàn trả chi phí. Bà L đã chi tạm ứng cho bà H số tiền 150.000.000 đồng (chuyển khoản qua tài khoản của bà H số 0421000430866) gồm hai lần: Lần 1 vào ngày 04/11/2023 số tiền 100.000.000 đồng và bà H ứng thêm lần 2 số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 29/02/2024 để làm chi phí đi lại. Việc thỏa thuận có lập thành văn bản có đủ chữ ký của bà L và bà H, có ông Nguyễn Văn P, địa chỉ: khu phố 5, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là ấp 5, xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long) ký tên chứng kiến.

Tuy nhiên, khi nhận tiền đến nay bà H không hỗ trợ bất cứ công việc gì cho bà L để gửi đơn đến Công an quận Bình Tân để thu hồi số nợ nêu trên, bà L nhiều lần liên hệ thì bà H hứa hẹn giao trả lại tiền bà L nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Do đó, bà L yêu cầu bà H trả lại số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/5/2024 đến ngày Tòa án xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Ngọc H đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định chung về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21, 26, 35, 39, 58, 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, các Điều 357, 385, 398, 468, 513, 516, 517, 518, 519, 520, 521 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Hồng L số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền theo mức 0.83%/tháng từ ngày 05/5/2024 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và nội dung tranh chấp thì quan hệ pháp luật của của vụ án là Tranh chấp hợp đồng hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 9 -Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Vào ngày 04/11/2023, bà Huỳnh Thị Hồng L và bà Nguyễn Ngọc H có ký kết văn bản thỏa thuận, theo đó bà H nhận thực hiện các công việc như: tra cứu tài sản, lập thủ tục tố cáo nhằm thu hồi khoản nợ 3.500.000.000 đồng cho bà L và được hưởng thù lao 25% trên số tiền thực tế thu hồi được. Xét văn bản thỏa thuận giữa các bên được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên và người làm chứng, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo nội dung thỏa thuận, bà H có nghĩa vụ thực hiện công việc trong thời hạn 06 tháng (từ ngày 04/11/2023-04/5/2024), trường hợp nhận tiền nhưng không thực hiện công việc trong thời hạn 02 tháng thì bà L có quyền chấm dứt hợp đồng và yêu cầu hoàn trả chi phí tạm ứng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã tạm ứng cho bà H tổng số tiền 150.000.000 đồng, cụ thể lần 1 số tiền 100.000.000 đồng lúc ký văn bản thỏa thuận ngày 04/11/2023 và lần 2 số tiền 50.000.000 đồng ngày 29/02/2024 bằng hình thức chuyển khoản.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L cho rằng sau khi nhận tiền bà H không thực hiện bất kỳ công việc theo thỏa thuận. Bà H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản đối, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện công việc theo thỏa thuận. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà H đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng, lỗi hoàn toàn thuộc về bà H nên bà phải trả toàn bộ chi phí tạm ứng là 150.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bà H trả lãi từ ngày 05/5/2024 đến ngày xét xử (09/4/2026), mức lãi suất 0,83%/tháng. Xét thấy, khi hết thời hạn thỏa thuận thực hiện công việc nhưng bà H không thực hiện nên bà đã vi phạm nghĩa vụ nên bà phải trả tiền lãi cho bà L theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Tiền lãi bà H trả cho bà L cụ thể như sau:

150.000.000 đồng x 0,83% x 11 tháng 04 ngày = 13.861.000 đồng.

Tổng số tiền bà H có nghĩa vụ trả cho bà L là: 150.000.000 đồng + 13.861.000 đồng = 163.861.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà H có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.193.000 đồng. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 385, 398, 468, 513, 516, 517, 518, 519, 520, 521 Bộ luật dân sự năm 2015 ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hồng L.

Buộc bà Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Hồng L số tiền 163.861.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ nộp số tiền 8.193.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

- Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Hồng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.217.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008474 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9-Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSNDKV9-Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở